

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày: 30-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Quý;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Đặng Tấn P, sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn P, sinh năm 1951 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1954 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1995 và 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt, tạm giữ ngày 07 tháng 01 năm 2019, đến ngày 10 tháng 01 năm 2019 tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Bà Lê Thị Th1, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp S, xã L, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1981; nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Bà Lê Kim L; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Từ khoảng tháng 10 năm 2018, bà Lê Thị Th1 sử dụng mạng Zalo đăng ký tài khoản bằng số điện thoại 0866.750.441 với tên Cô Út kết bạn Zalo với Đặng Tấn P đăng ký tài khoản bằng số điện thoại 0975.149.934 với tên Thái Quân. Sau khi kết bạn nói chuyện, bà Th1 và P nảy sinh tình cảm nên đã nhiều lần thuê nhà nghỉ để quan hệ tình dục. Bà Th1 nói với P cứ làm cho bà Th1 thỏa mãn thì P muốn gì bà Th1 cũng cho, mỗi lần quan hệ tình dục bà Th1 cho P từ 150.000 đồng đến 300.000 đồng.

Đến ngày 05 tháng 01 năm 2019, P sử dụng tài khoản Zalo tên Thái Quân nhắn tin vào tài khoản Zalo tên Cô Út yêu cầu bà Th1 phải đưa cho P 20.000.000 đồng, P đe dọa nếu không đưa tiền cho P thì P sẽ gửi video cảnh quan hệ tình dục giữa bà Th1 và P cho gia đình bà Th1. Lúc 10 giờ 34 phút ngày 05 tháng 01 năm 2019, P gửi cho bà Th1 hình một người đàn ông nằm phía trên một người khác trong tư thế quan hệ tình dục và không mặc quần áo kèm theo lời nhắn: “út không muốn video này gđ út biết chứ”.

Bà Th1 lo sợ và tin rằng P sẽ gửi video này đến cho người thân gây ảnh hưởng đến danh dự, hạnh phúc gia đình nên bà Th1 đã đồng ý đưa tiền cho P, đồng thời trình báo vụ việc đến cơ quan Công an. Bà Th1 nhắn tin với P và nói đưa trước cho P 10.000.000 đồng vì không đủ tiền và hẹn P đến quán nước mía của bà Bùi Thị Tuyền tại ấp L, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương để đưa tiền cho P, P đồng ý.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 07 tháng 01 năm 2019, P điều khiển xe mô tô biển số 60Z7-0991 đến gặp bà Th1 tại điểm hẹn, P đưa cho bà Th1 xem 01 thẻ nhớ SD màu đen, dung lượng 4G và nói với bà Th1 trong thẻ nhớ có đoạn video clip quay lại cảnh bà Th1 và P quan hệ tình dục, tuy nhiên P không đưa thẻ nhớ cho bà Th1 và buộc bà Th1 đưa cho P thêm 10.000.000 đồng nữa thì P sẽ giao thẻ nhớ. Tại đây, bà Th1 đã đưa cho P 10.000.000 đồng (bao gồm 20 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng), P nhận tiền bỏ vào túi quần Jeans bên phải thì bị lực lượng công an bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật nêu trên. Quá trình điều tra xác định, P không có đoạn video clip ghi lại cảnh quan hệ tình dục giữa P và bà Th1, tuy nhiên để có tiền tiêu xài và muốn chiếm đoạt tài sản (tiền) của bà Th1 nên P đã nói có video clip nhằm uy hiếp tinh thần, cưỡng đoạt tài sản bà Th1.

Ngoài hành vi cưỡng đoạt tài sản, quá điều tra xác định, vào khoảng 12 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2018, P và bà Th1 hẹn nhau đến nhà nghỉ Mỹ Lành, thuộc khu phố 2, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Dương để quan hệ tình dục. Trước khi vào nhà nghỉ, bà Th1 nhờ P mua thuốc ho, nhức đầu thì P đồng ý. P đến hiệu thuốc tây gần Bệnh viện Đa khoa M mua thuốc ho, nhức đầu và mua thêm 02 viên thuốc ngủ (không rõ tên thuốc) rồi đến nhà nghỉ Mỹ Lành đưa cho bà Th1 uống, sau đó cả hai quan hệ tình dục, quan hệ xong, P đi tắm còn bà Th1 nằm trên giường. Sau khi tắm xong, P thấy bà Th1 ngủ nên P đã lục túi quần bà Th1 chiếm đoạt

2.270.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung J4 rời rời khỏi nhà nghỉ. Khoảng 15 giờ cùng ngày, bà Th1 tỉnh dậy P hiện mất tiền, điện thoại di động và không thấy P trong phòng, sau đó bà Th1 về nhà và không trình báo Công an.

Quá trình điều tra, P đã khai nhận hành vi như trên. Ngày 28 tháng 01 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã gửi Công văn số 93/CV-CQĐT V/v phối hợp điều tra (bút lục số 105) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát để phối hợp điều tra về việc P đã có hành vi chiếm đoạt 2.270.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung J4 của bà Th1. Ngày 20 tháng 3 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã có Yêu cầu định giá tài sản số 59/YC (bút lục số 118). Kết luận Về việc định giá tài sản ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá thị xã C kết luận (bút lục số 120): 01 điện thoại di động Samsung J4 màu vàng, đã qua sử dụng của bà Th1 bị P chiếm đoạt trị giá 3.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với P về tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngày 04 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát đã ra Quyết định chuyển vụ án hình sự để điều tra theo thẩm quyền số 02/QĐ-VKS (bút lục số 150), chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng điều tra theo thẩm quyền. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tiếp nhận hồ sơ vụ án, đồng thời ra Quyết định nhập vụ án hình sự số 02 (bút lục số 151) để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố; quá trình điều tra, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản và tội Cướp tài sản.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Công an xã L, huyện B (bút lục số 06), thu giữ:

- + 01 xe mô tô Honda Wayec màu đỏ, biển số 60Z7-0991;
- + 01 điện thoại di động OPPO màu trắng;
- + 01 thẻ nhớ SD 4G màu đen, niêm phong theo quy định;
- + Số tiền 10.000.000 đồng bao gồm 20 tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng (có biên bản kiểm tra số seri kèm theo);
- + 01 sim điện thoại số thuê bao 0975.149.934.

Đối với xe mô tô biển số 60Z7-0991: quá trình điều tra xác định xe mô tô này có Giấy đăng ký mô tô xe máy số 019735 ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Công an huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp mang tên Lê Kim L. Xe là tài sản của chị Nguyễn Thị Bé T, chị T mua lại năm 2015 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Chị T cho P mượn xe mô tô này và

không biết P dùng vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại xe mô tô này cho chị T theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18 tháng 3 năm 2019 (bút lục số 93).

Đối với 01 điện thoại di động OPPO màu trắng có gắn sim số 0975.149.934 và thẻ nhớ SD 4G màu đen của bị cáo P: đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại số tiền này cho bà Th1 theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 26 tháng 01 năm 2019 (bút lục số 84).

Đối với số tiền 2.270.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung J4 màu vàng mà P chiếm đoạt của bà Th1, tiền P đã sử dụng hết và điện thoại P đã vứt bỏ, Cơ quan điều tra không thu hồi được: đây là vật và tiền do bị cáo P phạm tội mà có nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo P số tiền 2.270.000 đồng và giá trị 01 điện thoại di động Samsung J4 màu vàng là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 5.270.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: những người tham gia tố tụng không ai có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

- Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo P về “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và “Tội cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt tù bị cáo P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng về “Tội cưỡng đoạt tài sản” và 03 năm đến 03 năm 06 tháng về “Tội cướp tài sản”.

+ Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hình phạt tù chung bị cáo phải chấp hành từ 04 năm đến 05 năm.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: như trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đã vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để bị cáo sớm về với xã hội và gia đình, nuôi con và phụng dưỡng cha già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi cướp tài sản ở khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương trước; sau đó bị cáo thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản ở ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì bị P hiện. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã gửi công văn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát để phối hợp điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã thực hiện định giá tài sản bị chiếm đoạt, khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với P về tội Cướp tài sản; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát đã ra quyết định chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng điều tra theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã ra quyết định nhập vụ án hình sự để giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 170 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tuy nhiên, đối với Danh bản (bút lục số 52) và Chỉ bản (bút lục số 53) của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự. Đây là thiếu sót cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án sau này.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận:

Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 07 tháng 01 năm 2019, tại quán nước mía thuộc ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã dùng thủ đoạn cho bị hại Th1 xem 01 thẻ nhớ SD màu đen, dung lượng 4G và giả vờ nói với bị hại Th1 trong thẻ nhớ có đoạn video clip ghi lại cảnh bị hại Th1 và bị cáo quan hệ tình dục nhằm uy hiếp tinh thần của bị hại Th1, buộc bị hại Th1 đưa cho bị cáo 20.000.000 đồng thì bị cáo sẽ giao thẻ nhớ. Bị hại Th1 đã đưa cho bị cáo 10.000.000 đồng, khi bị cáo bỏ tiền vào túi quần Jeans bên phải thì bị bắt quả tang.

Trước đó, vào khoảng 12 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại nhà nghỉ Mỹ Lành thuộc khu phố 2, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi mua thuốc ho, nhức đầu và 02 viên thuốc ngủ cho bị hại Th1 uống làm cho bị hại Th1 lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt của bị hại Th1

2.270.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung J4 màu vàng trị giá 3.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.270.0000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm Tội cưỡng đoạt tài sản và Tội cướp tài sản. Cáo trạng truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Vì tham lam, tư lợi, bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ của bị cáo và bị hại Th1, lợi dụng tình cảm của bị hại Th1 để thực hiện hành vi phạm tội cướp tài sản và cưỡng đoạt tài sản của bị hại Th1 như phân tích trên. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện một cách liêu lĩnh, bất chấp bị phát hiện. Xét về yếu tố lỗi, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Ngoài ra trong vụ án này, Hội đồng xét xử lên án đối với hành vi của bị cáo và bị hại Th1; cả hai đã có vợ, có chồng nhưng lại có mối quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân, đây cũng là chính là nguyên nhân dẫn đến sự việc này. Vụ án cũng là bài học cho chính bị cáo, bị hại Th1 và những ai đang có vợ, có chồng trong việc giữ gìn quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn, giữ gìn tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy với nhau theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với Tội cưỡng đoạt tài sản: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Đối với Tội cướp tài sản: bị cáo tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: những người tham gia tố tụng không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Xe mô tô biển số 60Z7-0991 đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Tý và số tiền 10.000.000 đồng đã trả lại cho bị hại Th1, xét phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

01 điện thoại di động OPPO màu trắng, 01 sim điện thoại số 0975.149.934 và 01 thẻ nhớ SD 4G màu đen của bị cáo P: đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 2.270.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung J4 màu vàng mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại Th1, Cơ quan điều tra không thu hồi được và bị hại Th1 không yêu cầu bị cáo bồi thường. Tuy nhiên, xét đây là vật và tiền do bị cáo phạm tội mà có, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo số tiền 2.270.000 đồng và giá trị 01 điện thoại di động Samsung J4 màu vàng là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 5.270.000 đồng.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Đặng Tấn P phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt tù bị cáo Đặng Tấn P 01 (một) năm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168, điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Đặng Tấn P phạm “Tội cướp tài sản”.

Xử phạt tù bị cáo Đặng Tấn P 03 (ba) năm.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hình phạt tù chung bị cáo Đặng Tấn P phải chấp hành là 04 (bốn) năm, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Về trách nhiệm dân sự: những người tham gia tố tụng không ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động OPPO màu trắng, 01 sim điện thoại số 0975.149.934 và 01 thẻ nhớ SD 4G màu đen của bị cáo Đặng Tấn P. (Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng ngày 06 tháng 5 năm 2019).

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.270.000 đồng (năm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) của bị cáo Đặng Tấn P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên